FireAnt

CTCP Cấp nước Bến Thành (HNX: BTW)

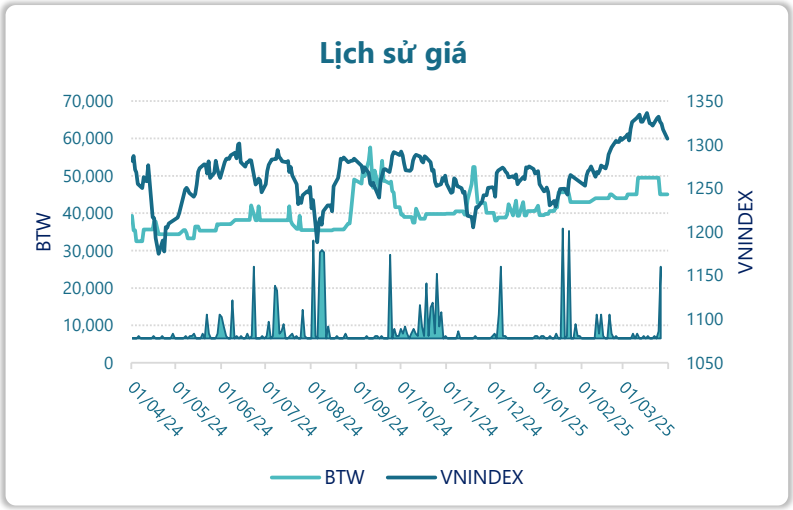

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**45,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	57,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,491
SL cổ phiếu LH	9,360,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25
% sở hữu nước ngoài	21.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	421
P/E	10.0
EPS	4,495

DT thuần

Q1/25

134

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.00| -6.2%

YoY: ▼5.00| -3.5%

LN sau thuế

Q1/25

18.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.7| 294%

YoY: ▼5.00| -20.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

10.7%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2024

561

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.0| 6.0%

LN sau thuế

2024

47.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.50| 7.8%

ROE

2024

18.6%

+/- YoY: ▲ 0.8%

Kết quả kinh doanh

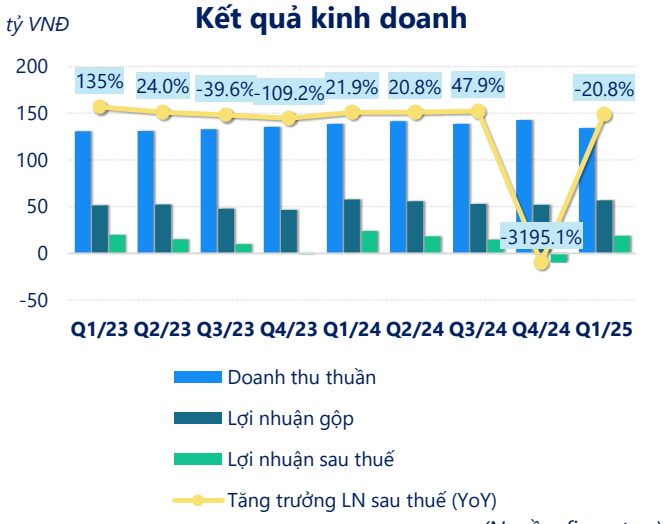

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

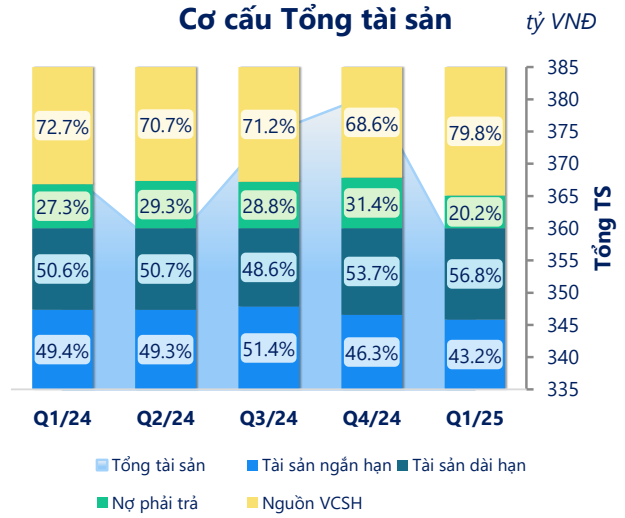

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

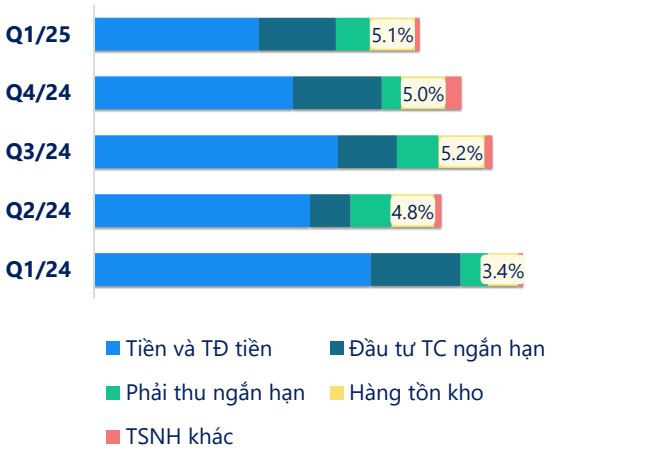

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

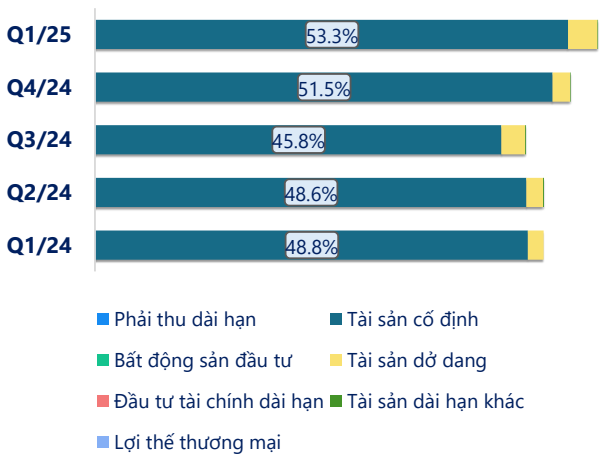

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

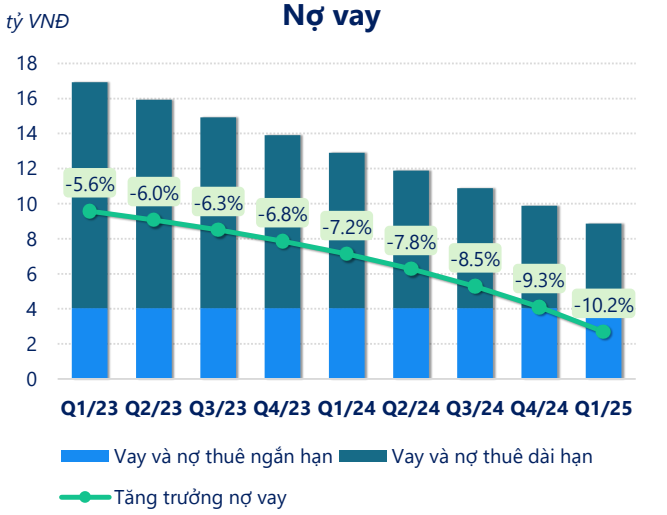

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

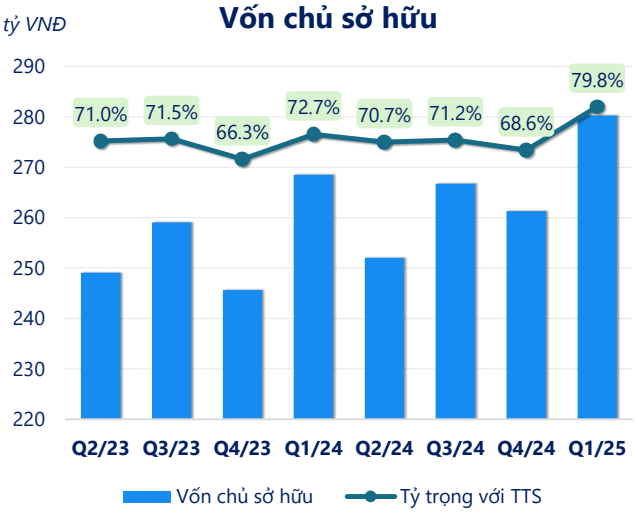

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

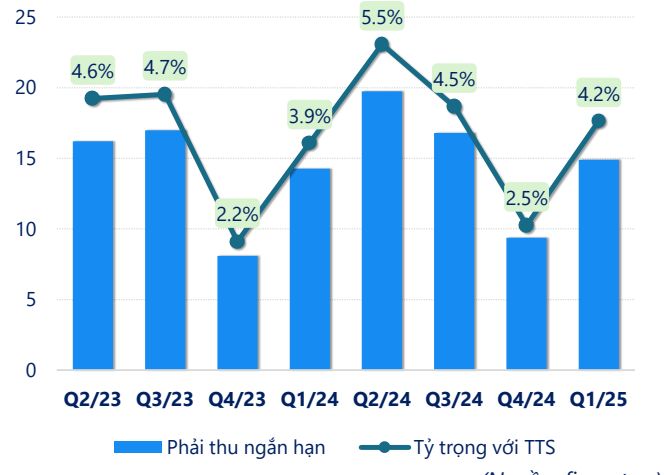

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

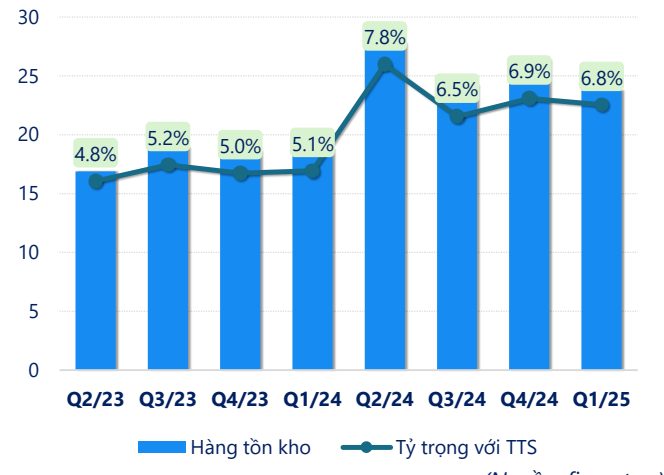

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

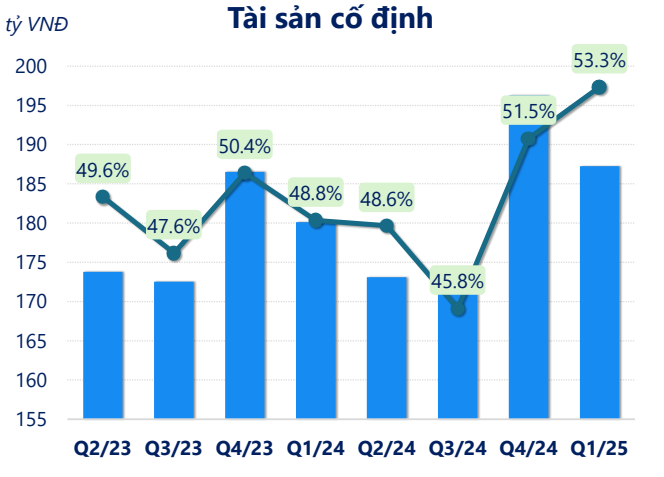

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

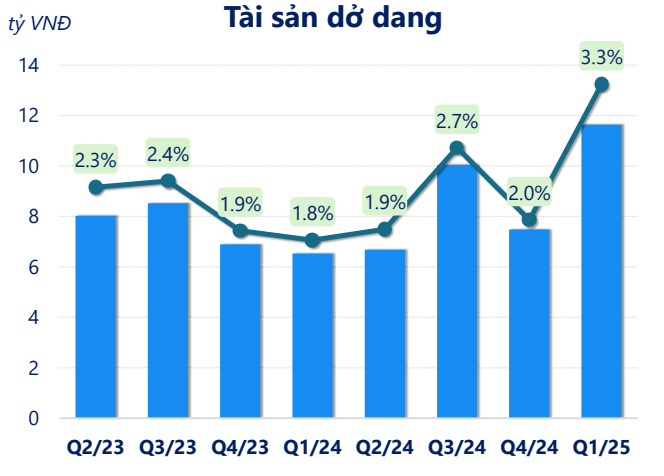

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

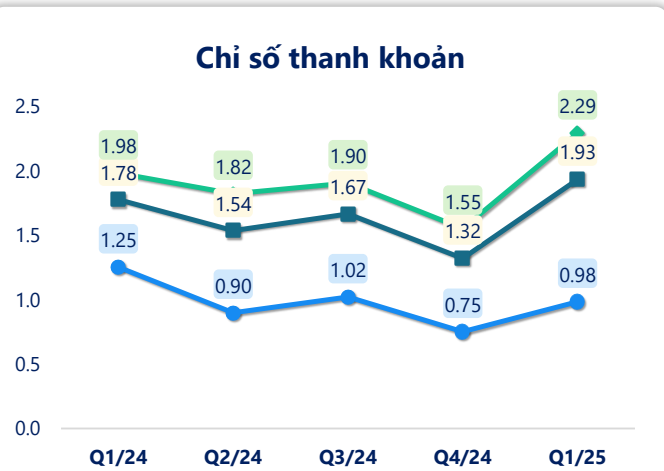

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

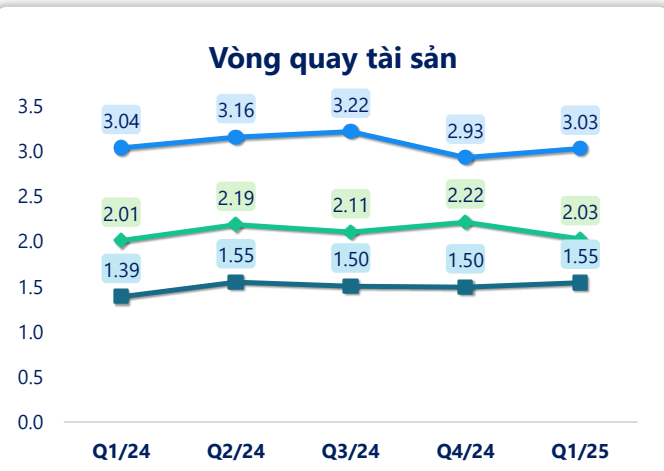

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**369**	**356**	**375**	**381**	**351**
Tài sản ngắn hạn	**182**	**176**	**192**	**176**	**152**
Tiền và tương đương tiền	115	86.8	103	85.4	65.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.1	39.2	44.2	46.2	41.1
Phải thu ngắn hạn	14.3	19.7	16.8	9.37	14.9
Hàng tồn kho	18.8	27.8	24.2	26.4	23.8
Tài sản ngắn hạn khác	1.99	2.34	4.14	9.06	6.87
Tài sản dài hạn	**187**	**180**	**182**	**204**	**199**
Phải thu dài hạn	0.37	0.37	0.37	0.37	0.37
Tài sản cố định	180	173	171	196	187
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.52	6.68	10.0	7.49	11.6
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0.36	0.33	0.23	0.20
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**101**	**104**	**108**	**119**	**71.1**
Nợ ngắn hạn	**92.1**	**96.4**	**101**	**114**	**66.3**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.03	4.03	4.03	4.03	4.03
Phải trả người bán ngắn hạn	47.1	29.2	29.4	66.5	29.5
Nợ dài hạn	8.87	7.86	6.85	5.84	4.84
Vay và nợ thuê dài hạn	8.87	7.86	6.85	5.84	4.84
Nguồn vốn chủ sở hữu	**269**	**252**	**267**	**261**	**280**
Vốn chủ sở hữu	**269**	**252**	**267**	**261**	**280**
Vốn điều lệ	93.6	93.6	93.6	93.6	93.6
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)